

ĐỒNG THUẬN HỒ KIVU

CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ CHO MỘT CHÂU PHI CẠNH TRANH

TÓM TẮT

Mười chiến lược cải thiện năng lực cạnh tranh cho châu Phi

Đồng thuận Hồ Kivu là kết quả tranh luận từ hai cuộc họp tại Italia và Ruanda năm 2008, xác định năng lực cạnh tranh là một yếu tố then chốt trong chiến lược châu Phi nhằm tăng việc làm và sự thịnh vượng. Cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu và sự bùng nổ nhân khẩu tại châu Phi khiến nhiệm vụ đó càng trở nên cấp bách.

Năng lực cạnh tranh được xác định ở đây như khả năng duy trì một môi trường để các công ty có thể sản xuất hàng hoá và dịch vụ một cách có lợi nhuận và thị trường sẽ chi trả.

Văn bản đề xuất những hành động mà các quốc gia châu Phi có thể tiến hành, cùng với khu vực tư nhân, các tổ chức phi chính phủ, nhà tài trợ, nhằm cải thiện tính cạnh tranh kinh tế của lục địa.

1. Cân bằng cải cách: không chỉ tập trung vào cải cách kinh tế vĩ mô (ví dụ như chính sách thương mại, tiền tệ và tài chính) mà cả kinh tế vi mô, chú ý các chính sách liên quan tới thuế và chi tiêu

chính phủ, sự dễ dàng tham gia hay từ bỏ hoạt động kinh doanh, và các cơ chế quản lý khác.

2. Giảm chi phí, rào cản và tính bất bênh: loại bỏ các nút thắt quan liêu, đầu tư vào cơ sở hạ tầng và kỹ năng, đảm bảo nguyên tắc pháp luật là những trách nhiệm chính của chính phủ. Các quốc gia không đầu tư vào y tế và giáo dục hay bảo vệ môi trường tự nhiên sẽ không duy trì được năng lực cạnh tranh lâu dài.

3. Chuẩn mực: Các chuẩn mực cho cạnh tranh cần được xây dựng nhằm so sánh và giảm chi phí hoạt động kinh doanh.

4. Khác biệt: Trong khi một số thách thức của châu Phi là trên toàn châu lục, như tỷ lệ tăng trưởng gắn với giá nguyên liệu, chi phí dịch vụ cao, thiếu hụt cơ sở hạ tầng, kỹ năng thấp, và sự bùng nổ nhân khẩu, thì sự tồn tại của nhiều loại nhà nước khác nhau, từ các nhà cải cách tới các thất bại và từ các nước có nguồn dầu phong phú tới các nước nghèo tài nguyên, đòi hỏi những chiến lược cạnh tranh cần được thích nghi với bối cảnh của từng nước.

5. Cạnh tranh về đầu tư, không phải viện trợ: Giành nhiều thời gian cho chính phủ để cạnh tranh đầu tư, không đàm phán các gói viện trợ. Xây dựng cơ chế một cửa và đơn giản hoá thủ tục cho các nhà đầu tư, không phải cho các nhà tài trợ.

6. Xây dựng các quy tắc ứng xử: Thông qua các quy tắc ứng xử cho doanh nghiệp và các tổ chức phi chính phủ, nhằm giảm các quy định kinh doanh phiền hà và đảm bảo khả năng dự báo về những điều chỉnh quản lý và chính sách thuế.

7. Tách biệt cải cách trong nước với viện trợ: Các chính phủ châu Phi không nên biến những cải cách kinh tế của mình thành điều kiện cho viện trợ. Ví dụ như trong cải cách môi trường kinh doanh và năng lực thương mại, các quốc gia có thể tự thu được một khối lượng to lớn vì những nhân tố chính là khả năng lãnh đạo và quản lý dự án, không phải tiền.

8. Duy trì các chỉ tiêu quan trọng: Làm việc với các thể chế tài chính quốc tế nhằm đảm bảo các chỉ tiêu chính phủ thiết yếu đối với tiến bộ kinh tế không bị hạn chế.

9. Đảm bảo tính cạnh tranh tiền tệ: Cảnh giác với 'Căn bệnh Hà Lan', đảm bảo một tỷ giá hối đoái cạnh tranh.

10. Xây dựng các liên minh vì sự tăng trưởng: Xây dựng một sự đồng thuận trong nước về sự cần thiết của cải cách kinh tế, tầm quan trọng của tỷ lệ tăng trưởng cao đối với việc giảm nghèo, và sự hội nhập của đất nước vào nền kinh tế toàn cầu.

Các quốc gia châu Phi thực hiện những hành động này không chỉ cải thiện đáng kể năng lực cạnh tranh mà còn giảm mạnh được nghèo đói.

GIỚI THIỆU: MỘT THÁCH THỨC KÉO DÀI

Ngày nay, cách duy nhất để một quốc gia có thể trải qua sự bất công từ nền kinh tế toàn cầu là tự loại mình ra khỏi nền kinh tế đó. Cải cách để tăng cường năng lực cạnh tranh vì thế đã trở thành ưu tiên hàng đầu của châu Phi. Không có một con đường dẫn đến nền kinh tế cạnh tranh. Nhưng tất cả các quốc gia khao khát một tương lai thoát khỏi sự viện trợ phải xem xét và sửa chữa những thiếu sót hạn chế sự tham gia của họ vào thương mại toàn cầu.

Nhiệm vụ làm cho các nền kinh tế trở nên cạnh tranh hơn chưa bao giờ lại khẩn cấp hơn lúc này. Giá cả hàng hóa cao để duy trì mức tăng trưởng 5%/năm trong những năm qua đã giảm đáng kể. Vì nguồn thu của chính phủ là từ các hợp đồng với các nước công nghiệp hóa nên sẽ có sự sụt giảm trong dòng viện trợ cho các chính phủ châu Phi. Ngoài ra cũng sẽ có sự sụt giảm trong lượng tiền gửi về nước của các công dân châu Phi sinh sống ở nước ngoài, đây chính là nguồn phúc lợi và đầu tư chính.

Những thực tế này càng cho thấy rõ tầm quan trọng của việc gia tăng giá trị cho các sản phẩm xuất khẩu của châu Phi, đầu tư của nhà nước vào kỹ năng và thể chế, thay đổi cách suy nghĩ để giúp châu Phi có thể tham gia một cách toàn diện vào nền kinh tế thế giới. Điều này đòi hỏi phải xây dựng các liên minh để tăng trưởng kinh tế trên khắp lục địa, để tiềm năng của khu vực tư nhân với tư cách là một lực lượng của lợi ích xã hội được các nhà hoạch định chính sách, xây dựng ý tưởng và các tổ chức dân sự châu Phi hiểu rõ hơn.

Áp lực bên trong cũng đang tạo nên động lực để hành động và thay đổi. Đến

năm 2025, cứ một trong bốn người trẻ tuổi trên thế giới sẽ là từ tiểu vùng Xahara châu Phi, chiếm 40% dân số trong độ tuổi lao động của châu Phi và 60% trong số đó không có việc làm. Điều kiện sống và các dịch vụ cơ bản còn yếu kém cùng với sự bất bình đẳng lớn ở châu Phi tạo nên một tiềm ẩn lớn về mất ổn định xã hội. Sự cách ly về kinh tế đối với phụ nữ châu Phi cũng làm hạn chế sự phát triển. Nếu năng lực của họ được giải phóng trọn vẹn thì phụ nữ và thanh niên châu Phi sẽ là một lực lượng vô cùng hùng mạnh cho sự thay đổi tích cực của lục địa; nếu bị lãng quên thì sự tuyệt vọng của họ có thể là chất xúc tác cho sự bất ổn định về xã hội và chính trị.

Trong vòng 25 năm qua, chương trình nghị sự cải cách ở châu Phi được định hướng bởi các ưu tiên tài trợ. Các chính sách được xây dựng theo cái gọi là sự "Đồng thuận Oasinhton", nhấn mạnh tới nguyên tắc kinh tế vĩ mô (châu Phi thường duy trì) và quan trọng là tự do hóa thị trường (châu Phi thường né tránh). Cuộc tranh luận khi đó, một mặt hướng tới trọng tâm là quản lý và thể chế với mô hình Đối tác mới vì Sự Phát triển của châu Phi (NEPAD), và mặt khác hướng tới các khoản đầu tư công lớn vào 'vốn con người' như đã được nêu rõ nhất là trong các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ của LHQ. Gần đây, châu Phi đã nhìn tới sự tăng trưởng ấn tượng của Trung Quốc và đặt vấn đề về khả năng có một sự "Đồng thuận Bắc Kinh" để thay thế.

Đồng thuận Oasinhton

John Williamson là người đặt ra thuật ngữ 'Đồng thuận Oasinhton'. Ông lần đầu đưa ra 10 lĩnh vực cải cách mà nhiều người trong các thể chế tài chính quốc tế ở Oasinhton tin tưởng rằng Mỹ Latinh

(không phải tất cả các quốc gia) cần thực hiện tại thời điểm năm 1989 (không phải vào bất kỳ thời điểm nào). Những lĩnh vực đó bao gồm kỷ luật tài chính, cải cách thuế, tự do hóa tỷ lệ lãi suất, duy trì một tỷ giá hối đoái cạnh tranh, tự do hóa thương mại, và tư nhân hóa.

'Ba ý tưởng lớn' làm nền tảng cho 'Đồng thuận' này theo lập luận của Williamson là: kỷ luật kinh tế vĩ mô, kinh tế thị trường và sự mở cửa về thương mại và đầu tư với thế giới

Vượt lên trên lập luận đó, châu Phi đã đấu tranh để vạch rõ một chương trình cải cách của riêng mình. Các cuộc khủng hoảng kinh tế và an ninh không ngớt đã làm trầm trọng thêm sự yếu kém của các chính phủ châu Phi, khiến việc lập ra kế hoạch và triển khai cải cách trở nên khó khăn hơn. Trừ rất ít ngoại lệ, chưa có khu vực nào trên khắp lục địa ủng hộ mạnh mẽ cải cách.

Quá trình dẫn tới sự *Đồng thuận* này bắt nguồn từ giả thuyết cho rằng cải thiện năng lực cạnh tranh của châu Phi là điều thiết yếu cho phát triển. Thách thức không phải là lập luận cho điều này mà là giải thích những điều cần làm để thực hiện điều đó.

Sự Đồng thuận là kết quả của sự hợp tác giữa Quỹ Brenthurst, Tập đoàn Nghiên cứu Kinh tế châu Phi, Hội Lãnh đạo Kinh doanh Nam Phi và Quỹ Konrad-Adenauer-Stiftung. Quá trình này đã tập hợp các nhà doanh nhân, hoạch định chính sách, nhà báo, học giả và nhà tư tưởng tại các cuộc họp được tổ chức tại Villa La Collina ở Cadenabbia, Italia ngày 26-28/5/2008 và tại bờ hồ Kivu ở Gisenyi, Ruanda ngày 14-15/12/2008. Danh sách những người tham gia trong phần Phụ lục.

THÁCH THỨC CẠNH TRANH CHÂU PHI

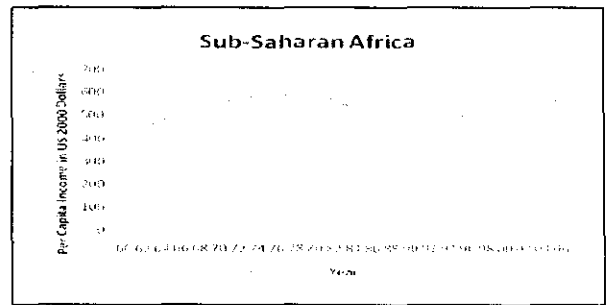
Vấn đề chính ảnh hưởng tới sự phát triển của châu Phi là khó khăn trong hoạt động kinh doanh ở đây. Châu Phi là lục địa có môi trường kinh doanh kém thân thiện nhất theo khảo sát *Hoạt động Kinh doanh* thường niên của Ngân hàng Thế giới. Các quốc gia châu Phi có thứ hạng trung bình 136, so với thứ hạng 87 của các quốc gia Mỹ Latinh và Caribê. Việc đảm bảo tương lai cho châu Phi phụ thuộc vào việc loại bỏ các rào cản làm giảm năng lực cạnh tranh trong khu vực tư nhân, đặc biệt là những rào cản do sự can thiệp không tốt của chính phủ.

Năng lực cạnh tranh của một quốc gia là khả năng duy trì một môi trường trong đó các doanh nghiệp có thể sản xuất hàng hóa và dịch vụ với lợi nhuận mà thị trường sẽ chi trả. Gỡ bỏ các nút thắt quan liêu, đầu tư vào cơ sở hạ tầng và kỹ năng, đảm bảo nguyên tắc pháp luật là những trách nhiệm chính của chính phủ. Tất nhiên là những quốc gia không đầu tư vào y tế, giáo dục hay bảo vệ môi trường tự nhiên cũng sẽ không duy trì được năng lực cạnh tranh lâu dài.

Đã có hai thay đổi quan trọng ở châu Phi làm cải thiện năng lực cạnh tranh. Thứ nhất, dân chủ đã phổ biến hơn bao giờ hết kể từ độc lập. Thứ hai, châu Phi gần đây đã có được nửa thập kỷ tăng trưởng kinh tế, giảm sự chống đối cải cách thị trường.

Lịch sử kinh tế của châu Phi

Dù việc khái quát hóa 48 quốc gia là một điều khó khăn, song lịch sử kinh tế thời hậu thuộc địa của các quốc gia vùng cận Xa-ha-ra có thể được chia thành 3 giai đoạn. Trong những năm 1960, các nền kinh tế châu Phi tăng trưởng và được thúc



đẩy bởi giá tài nguyên thiên nhiên cao. Thu nhập bình quân đầu người có lẽ đạt đỉnh vào giữa những năm 1970.

Sau đó đến giai đoạn suy thoái kéo dài tới giữa những năm 1990 do cú sốc về giá dầu, giá nguyên liệu giảm, và những biến động kinh tế do chính sách yếu kém của chính phủ. Trong 15 năm qua, tỷ lệ tăng trưởng của châu Phi đã tăng lên, được khuyến khích bởi cải cách kinh tế và nhu cầu mới đối với nguồn tài nguyên thiên nhiên của lục địa này. Tuy vậy, thu nhập bình quân đầu người hiện nay ở châu Phi vẫn thấp hơn so với giữa những năm 1970.

Bản thân sự dân chủ là điều quan trọng, nhưng nó cũng thúc đẩy hoạt động kinh tế và xã hội. Nghiên cứu gần đây cho thấy trong hai thập kỷ qua, chỉ 8/65 chế độ chuyên quyền đạt tăng trưởng, trong khi ít nhất 1/3 trong số này phải chịu sự sụt giảm kinh tế sâu sắc trong ít nhất 1 năm. Trong số các quốc gia đang phát triển ngoài Đông á giai đoạn từ 1960-2003, các nền dân chủ có nền kinh tế tăng trưởng nhanh hơn 50% so với các chế độ chuyên quyền.

Các nền dân chủ giảm chi phí bằng cách tránh xung đột, cải thiện sự giám sát của công chúng đối với chi tiêu chính phủ và khiến chính phủ có phản ứng nhanh hơn. Các nền dân chủ làm tốt hơn trong việc xây dựng những 'thể chế giải trình', thực thi quy định pháp luật, giám sát quyền hành pháp, ngăn chặn tham nhũng

và tách biệt lòng trung thành chính trị với chủ nghĩa cơ hội.

Đặc biệt, các nền dân chủ có thể *duy trì* tốt hơn sự đồng thuận chính trị xoay quanh cải cách có thể phân biệt được các nhà cải cách thành công với những thất bại trì trệ. Lý do châu Phi trở nên nghèo hơn kể từ khi độc lập không phải do nhận được những lời khuyên tồi, mà do ít quốc gia có thể xây dựng được sự đồng thuận chính trị trong nước về cải cách và phát triển khu vực tư nhân. Những cải cách quan trọng rất khó về mặt chính trị vì chúng đòi hỏi nhà nước phải từ bỏ quyền lực cho thị trường và cho khu vực tư nhân, và do chúng thách thức địa vị được bảo hộ của các tập đoàn độc quyền có mối liên hệ chính trị.

Mêhicô: Sắp xếp thứ tự cải cách, giải quyết các quyền lợi cố hữu

Trong một phần tư thập kỷ qua, Mêhicô đã thực hiện được một sự chuyển đổi đáng kể, từ một nước có nền kinh tế và chính trị khép kín trở thành một nền dân chủ vững vàng với tiền tệ ổn định và tăng trưởng kinh tế vững chắc, tuy có thể không rõ lắm, và tạo dựng vốn xếp trong số 15 nền kinh tế đứng đầu trên thế giới. Năm 1994, Mêhicô bắt đầu hội nhập nền kinh tế của mình với Mỹ và Canada thông qua Hiệp định Thương mại tự do Bắc Mỹ (NAFTA). Năm 2000, Vicente Fox được bầu làm Tổng thống đã chấm dứt sự độc quyền của Đảng Cách mạng (PRI). Năm 2007, người Mêhicô sinh sống ở nước ngoài, chủ yếu là ở Mỹ và Canada đã gửi một khoản tiền rất lớn là 24 tỷ USD về nước. Khoản tiền này đã trở thành nguồn thu nhập ngoại tệ lớn nhất, góp phần vào thặng dư thương mại của quốc gia – với lượng USD được gửi về nhiều như vậy, đồng pê-sô được duy trì là một tiền tệ mạnh và ổn định.

Trong quá trình thực hiện những thay đổi về cơ cấu đối với hệ thống kinh tế và chính trị Mêhicô, 20 năm qua chính phủ đã lựa chọn cách tiếp cận 2 con đường. *Thứ nhất* là quyết định mở cửa nền kinh tế bằng việc tham gia vào hệ thống thương mại thế giới (GATT và sau đó là WTO), đàm phán các hiệp định tự do thương mại với các đối tác thương mại quan trọng và gia nhập Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD), Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á Thái Bình Dương (APEC), và các quan hệ đối tác toàn cầu khác. *Đồng thời*, những thay đổi cơ cấu cơ bản đối với luật sở hữu trí tuệ, hệ thống tư pháp, sở hữu đất đai, luật bầu cử và cải cách tài chính đã tạo nền tảng cho một quốc gia có tính cạnh tranh cao hơn để nhận đầu tư trực tiếp nước ngoài và mở cửa ra hệ thống thương mại toàn cầu. Giai đoạn cuối cùng bao gồm hệ thống pháp luật có sự minh bạch được bảo đảm và sự quản lý tốt trong khu vực công và quan hệ đối tác giữa khu vực công và khu vực tư nhân để đầu tư vào cơ sở hạ tầng. Tất cả những thay đổi căn bản này đối với hệ thống kinh tế và chính trị Mêhicô đã tạo cho đất nước những công cụ cần thiết để cạnh tranh, không chỉ với các nước láng giềng trong khu vực Bắc Mỹ và Mỹ Latin mà cả với châu Âu và châu Á.

Công tác chính trị nội bộ là cốt lõi của ý tưởng 'chủ quyền', cái thường được coi là *điều thiết yếu* của phát triển thành công. Người ngoài không thể tạo ra điều này và không quốc gia nào có thể thành công mà không có điều này.

El Salvador: Phát triển từ một nước cộng hoà trồng chuối

El Salvador đang cho thấy quá khứ không phải là giai đoạn mở đầu. Có thể đối phó với một lịch sử bạo lực, sự phân

cực chính trị mạnh mẽ, sự chênh lệch trong phân bố tài sản, tỷ lệ tội phạm cao, sự phụ thuộc vào nông nghiệp và nạn phá rừng. Cũng có thể biến vị trí khu vực thành lợi thế chiến lược.

Cuộc nội chiến khiến 75.000 người chết và thiệt hại 5 tỷ USD. GDP giảm 20%. Nhưng nó đã thúc giục những cải cách chính trị và kinh tế sau hiệp định hoà bình năm 1992 trong đó cam kết dân chủ là một trụ cột chính trong quá trình tái thiết. Kể từ đó, El Salvador đã cần cù theo đuổi những biện pháp cải cách kinh tế thông thường bao gồm tư nhân hoá, cải cách thuế, đô-la hoá năm 2001 và tự do hoá thương mại. Hiệp định Thương mại Tự do Trung Mỹ bắt đầu đem lại kết quả, loại bỏ toàn bộ các rào cản thuế quan và đầu tư với Mỹ và 5 quốc gia Trung Mỹ.

Tỷ lệ tăng trưởng GDP thường niên của El Salvador đạt gần 5% sau nhiều năm mắc kẹt ở mức 1,5%. Chính phủ đã tận dụng những dự án quan trọng để thúc đẩy tỷ lệ tăng trưởng. El Salvador đã nhanh chóng trở thành một trung tâm vận chuyển hàng không khu vực, kết nối Bắc và Nam Mỹ với Trung Mỹ. Cơ quan thúc đẩy đầu tư của El Salvador đã định hướng thành công các ngành công nghiệp công nghệ cao, trong đó Dell đã thành lập ở đây một trung tâm tổng đài tiếng Anh-Tây Ban Nha. Ngoài ra, toàn bộ lĩnh vực tài chính được bán cho các ngân hàng quốc tế hàng đầu, nhiều nhà đầu tư châu Âu và Mỹ đã mua những doanh nghiệp chiến lược như nhà máy bia, xi măng, quỹ lương hưu, các công ty bảo hiểm và nhiều doanh nghiệp khác, đầu tư trên 3 tỷ USD kể từ năm 2005.

El Salvador ít có sự lựa chọn trong việc đặt ra kế hoạch về một tương lai tích cực cho riêng mình và cho thấy sự cứu tế trên

hết phải đến từ bên trong. Điều đó có thể đem lại dũng khí cho các quốc gia châu Phi đã chầm dứt xung đột với ít các lựa chọn phát triển ngoại trừ tăng viện trợ. Nếu một đất nước phải chịu xung đột như El Salvador có thể làm được thì tại sao họ lại không thể?

May mắn là châu Phi ngày nay đã mở cửa hơn đối với các cải cách kinh tế. Một số tranh luận quan trọng nhất bao gồm sự cần thiết có một tỷ giá hối đoái cạnh tranh, tầm quan trọng của khu vực tư nhân, và mối quan hệ giữa nhà nước với thị trường đang ngày càng ít khả năng gây bất đồng ngay cả khi chúng vẫn chưa được giải quyết triệt để.

Tuy nhiên, với những lựa chọn khó khăn, một số quốc gia châu Phi đang thu được những lợi ích dưới hình thức đầu tư trong nước và nước ngoài khá mới mẻ. Nhiều quốc gia khác trên lục địa cũng đang bắt đầu đặt những nền móng này.

Thời đại Grudia

Kể từ Cuộc Cách mạng Hồng năm 2003, Grudia đã trở thành một nhà cải cách mẫu mực, trên cơ sở gia tăng quyền tự do và cải thiện tính cạnh tranh, bao gồm việc tư nhân hoá hàng nghìn ngành công nghiệp nhà nước, việc chuyển sang một tỷ lệ thuế doanh nghiệp cố định 15% (giảm từ 47%), bãi bỏ các loại thuế từ lợi nhuận nguồn vốn, lãi suất, cổ tức, dẫn tới sự gia tăng đột ngột các nguồn thu của chính phủ. Thị trường Grudia nằm trong số các thị trường mở nhất thế giới (ví dụ, thuế nhập khẩu của Grudia có thể so sánh với Xingapo và Hồng Kông, các quốc gia mà Grudia đã coi là hình mẫu khi sửa đổi luật pháp).

Với việc cắt giảm số lượng giấy phép, đăng ký cần thiết cho các thủ tục xây

dụng và thương mại, và việc đề nghị chính phủ trả lời mỗi đề nghị trong một khoảng thời gian nhất định (thường là 2 tuần), Gru-di-a đã đạt được mức giảm lịch sử về tình trạng tham nhũng.

Mục tiêu của chính phủ là cung cấp một môi trường kinh doanh phát đạt chứ không phải thúc đẩy bất kỳ lĩnh vực cụ thể nào. Do đó mà tăng trưởng không chỉ đến từ các dịch vụ như du lịch mà còn từ các lĩnh vực ngoài dự kiến như cấy tóc cho thị trường Hàn Quốc.

Grudia cũng là một mô hình tự do kinh tế, thường đơn phương tiến hành các biện pháp cải cách triệt để, không sợ những hậu quả thường gây cản trở các quốc gia làm điều đó. Nước này đã gỡ bỏ các yêu cầu về visa và giấy phép làm việc cho công dân từ 50 quốc gia; công nhận các quy định kỹ thuật và kiểm tra chất lượng của hầu hết các quốc gia OECD và EU, loại bỏ nhu cầu xây dựng bản sao các tiêu chuẩn kỹ thuật của Grudia; sử dụng các 'hồ sơ' tương tự trong quy định về tài chính.

Grudia là nhà cải cách hàng đầu thế giới năm 2007 liên quan tới sự dễ dàng trong hoạt động kinh doanh, và theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới đã tăng từ vị trí 112 lên 37 trong một năm, sự tiến bộ lớn nhất từng có, và tiến lên vị trí 18 (trên tổng số 178 quốc gia) năm 2008. Số lượng đăng ký cần để tiến hành kinh doanh đã giảm gần 10 lần. Trong giai đoạn 2002-2005, theo Ngân hàng Thế giới, Grudia đã có mức giảm lớn nhất về tình trạng tham nhũng trong số tất cả các quốc gia đang chuyển đổi. Nhờ một vài năm có tốc độ tăng trưởng kinh tế 10%, tỷ lệ nghèo đói trong số 4,5 triệu công dân đã giảm đáng kể từ 54% năm 2001 xuống 34% năm 2006. Trong khi nền kinh tế phải hứng chịu cú sốc kép từ cuộc chiến với Nga

tháng 8/2008 và đồng thời là cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, nền tảng cho sự thịnh vượng lâu dài vẫn tồn tại. Thực tế Grudia là một trong ít quốc gia trên thế giới dự kiến đạt *thặng dư* ngân sách năm 2009.

Theo cựu Thủ tướng Lado Gurgenidze, các bài học cho những quốc gia khác cũng đơn giản: 'Có mức thuế cố định, không kiểm soát vốn và tiền tệ, hoàn toàn linh hoạt trên thị trường lao động, xoá bỏ quan liêu, tham nhũng, và đảm bảo sự bảo hộ đối với nhà đầu tư'. Với các biện pháp này, các quốc gia đang phát triển không phải chịu nhiều rủi ro như lo sợ, và có thể được hưởng lợi nhiều.

Các quốc gia đang phát triển, bao gồm các quốc gia từng kém hiệu quả như Ấn Độ và Mèhicô, đang cho thấy cải cách có thể dẫn tới tăng trưởng và cơ hội mới cho người nghèo như thế nào. Điều đó như một nguồn cảm hứng đối với châu Phi, nhưng cũng là lời cảnh báo rằng châu Phi đang phải đuổi theo phần còn lại của thế giới đang phát triển. Các chiến lược phát triển mà các quốc gia nghèo khác đang theo đuổi thực ra có thể khép lại một vài con đường tăng trưởng của châu Phi, mặc dù những cơ hội mới cũng có thể được tạo ra trong quá trình này.

Ấn Độ: Thoát khỏi tỷ lệ tăng trưởng Hindu

Theo truyền thuyết, nền kinh tế Ấn Độ rơi vào tình trạng khó khăn với một tỷ lệ tăng trưởng 'Hindu' không đổi, dưới mức tối ưu là 3,5% cho tới khi thoát được với sự hỗ trợ của các cải cách kinh tế rộng rãi năm 1991. Ngay khi luận điểm về tỷ lệ tăng trưởng Hindu được kéo dài năm 1980, tỷ lệ tăng trưởng GDP hàng năm của Ấn Độ đã thoát khỏi mức 3,5% lên trên 5,5%, với sự giúp đỡ từ việc gia tăng

đáng kể mức tiết kiệm và đầu tư trong nền kinh tế lên gần 25% GDP (từ mức 10% khi giành độc lập từ Anh năm 1947). Bất chấp những cải cách được đưa ra năm 1991, tỷ lệ tăng trưởng hàng năm của Ấn Độ vẫn ở mức dưới 6% cho tới 5 năm gần đây (2003-2008), chứng kiến một bước đột phá lên mức 8,8% và trở thành nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất trên thế giới sau Trung Quốc, với sự hỗ trợ từ việc tiếp tục gia tăng tiết kiệm và đầu tư lên mức 35% GDP.

Cải cách không bắt đầu năm 1990 mà từ trước đó 1 thập kỷ khi hệ thống kiểm soát của nhà nước đối với các ngành công nghiệp và doanh nghiệp bắt đầu được giải phóng từng bước. Nền tảng của thành công được bắt đầu từ những năm 1960, với việc thiết lập các viện nghiên cứu về công nghệ và quản lý, và bắt đầu cuộc Cách mạng Xanh thúc đẩy năng suất nông nghiệp, chấm dứt tình trạng thiếu hụt lương thực. Tầng lớp trung lưu Ấn Độ cũng không phải là đột nhiên xuất hiện mà được phát triển theo từng giai đoạn cho tới khi đạt số lượng lớn giữa những năm 1980 (theo quan điểm về quy mô thị trường).

Việt Nam: Điều chỉnh các nguyên tắc kinh tế cơ bản

Sau khi chiến tranh kết thúc năm 1975, Việt Nam là một đất nước có nền kinh tế què quặt với nguồn xuất khẩu tốt nhất được biết đến là những đoàn người tị nạn ra nước ngoài. Kể từ khi chính phủ bắt đầu thực hiện chính sách Đổi mới năm 1986, bãi bỏ chế độ tập thể hoá nông nghiệp và thay bằng sở hữu tư nhân, đã có sự chuyển đổi sâu sắc. Trên thực tế, rất nhiều 'thuyền nhân' đã và đang trở lại để

tranh thủ tận dụng một tương lai đầy hứa hẹn của Việt Nam.

Khi Liên Xô đang trong quá trình sụp đổ và rút đi sự trợ cấp cuối cùng vào giữa những năm 1980, Việt Nam, từng là một trong những quốc gia xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới, đã buộc phải nhập khẩu trên 1,5 triệu tấn gạo/năm để ngăn chặn nạn đói kém lan rộng. Cuộc khủng hoảng đó đã tạo cơ hội cho những nhà cải cách trong Đảng Cộng sản cầm quyền giành được sự ủng hộ chính trị về việc chuyển đổi từ một nền kinh tế mệnh lệnh bị thất bại sang nền kinh tế thị trường. Những chính sách ban đầu cho phép phân cấp quản lý nền kinh tế nhà nước, thừa nhận sự tự quản cho các cơ sở công nghiệp; thay thế các biện pháp hành chính bằng các cơ chế kinh tế, bao gồm chính sách tiền tệ theo định hướng thị trường giúp kiểm soát lạm phát; thông qua các chính sách hướng ngoại trong quan hệ kinh tế đối ngoại, cho phép tỷ giá hối đoái và lãi suất thích ứng với các điều kiện thị trường; xây dựng các chính sách nông nghiệp với quyền sử dụng đất lâu dài, khuyến khích đầu tư; coi khu vực tư nhân là động lực cho sự tăng trưởng kinh tế; cho phép các cơ sở công nghiệp nhà nước và tư nhân giao dịch xuất nhập khẩu trực tiếp với các đối tác nước ngoài. Những cải cách Đổi mới tiếp theo bao gồm sửa đổi luật đầu tư nước ngoài; thực sự loại bỏ mọi sự hỗ trợ trực tiếp và những cơ chế kiểm soát giá; mở cửa lĩnh vực ngân hàng cho sự tham gia của nước ngoài; hình thành các khu chế xuất cho phép 100% sở hữu nước ngoài; dỡ bỏ hầu hết bộ máy kế hoạch tập trung quan liêu; trả lại cho chủ cũ hoặc những người thừa kế của họ các cơ sở kinh doanh bị tịch thu hoặc quốc hữu hoá sau thống nhất năm 1975 với điều kiện họ đầu tư vào doanh nghiệp.

Kết quả trực tiếp từ những cải cách này là Việt Nam hiện nay trở thành quốc gia xuất khẩu gạo lớn thứ hai thế giới, nhà sản xuất cà phê lớn thứ hai và xuất khẩu cà phê Robusta lớn nhất. Trong thập kỷ qua, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 7,5%/năm, với động lực là các nhà sản xuất từ các công ty dệt may nhỏ tới cơ sở sản xuất chất bán dẫn 1 tỷ USD mới của Intel, dự án đầu tư nước ngoài đơn lẻ lớn nhất của nhà sản xuất vi mạch khổng lồ. Ngoài ra, khác với 1,3 tỷ người hàng xóm Trung Quốc về phía Bắc, 86 triệu người dân Việt Nam đã thực hiện được một công việc đáng nể trong việc giảm nghèo và duy trì sự gắn kết xã hội. Ví dụ, hệ số Gini của Việt Nam, một chỉ số đánh giá sự bất bình đẳng thu nhập, vẫn duy trì ổn định ở mức 37, trong khi hệ số đó của Trung Quốc đã ngày càng tăng và hiện ở mức 47. Có thể giải thích ví dụ này là do sự phát triển ổn định của giai cấp trung lưu Việt Nam cùng với việc giảm tỷ lệ đói nghèo xuống dưới 14% năm 2007 từ mức trên 75% năm 1990, một thành tựu được Ngân hàng Thế giới cho là 'một trong những chiến dịch chống đói nghèo thành công nhất từ trước tới nay'. Chiến dịch điện khí hoá quốc gia đã cấp điện tới 90% các hộ gia đình. Hầu hết trẻ em có trình độ từ trung học trở lên và khoảng 2/3 đã tốt nghiệp trung học. Kế hoạch bảo hiểm thất nghiệp quốc gia dự kiến sẽ được đệ trình năm 2009.

Kinh nghiệm của Việt Nam chỉ ra cho các quốc gia khác khi chấm dứt xung đột và có nền kinh tế trì trệ rằng việc xây dựng những nguyên tắc kinh tế cơ bản đúng đắn có thể giải phóng được tiềm năng tăng trưởng của đất nước.

Hội nhập thương mại đem lại lợi ích cho các quốc gia với các hàng hoá và dịch vụ rẻ hơn. Các nước đang phát triển mở cửa

nhiều hơn với nền kinh tế toàn cầu tăng trưởng nhanh hơn. Điều này không có nghĩa rằng hội nhập sẽ làm giảm sự bất bình đẳng; thực ra hội nhập có thể làm gia tăng khoảng cách thu nhập. Nhưng thương mại toàn cầu có lợi nhất cho các khu vực trong nước có nhiều lao động, nguyên liệu, đất đai, vốn, và châu Phi cũng rất dồi dào về nguồn lao động, nguyên liệu và đất đai. Việc áp dụng các chính sách bảo hộ không phải nằm trong lợi ích của châu Phi, có những cách thức để các chính phủ hỗ trợ những ngành công nghiệp non trẻ và giảm bớt tác động của sự bất bình đẳng thu nhập.

CÔXTA RICA: Từ cà phê tới mạch máy tính

Nền kinh tế Côxta Rica đã tăng trưởng 5%/năm trong vòng hai thập kỷ qua, phát triển từ một nền kinh tế nông nghiệp sang nền kinh tế dịch vụ và công nghệ cao: từ cà phê và chuối sang mạch máy tính, thiết bị y tế và các dịch vụ chất lượng cao. Hiện Côxta Rica có trụ sở của nhiều nhà máy hiện đại trong đó có Intel, hiện sản xuất 1/4 số lượng mạch máy tính trên thế giới. Xuất khẩu tăng 10%/năm từ mức 870 triệu USD 25 năm trước đây lên 10 tỷ USD năm 2008, một mức tăng phi thường đối với một nền kinh tế 4 triệu người. Lĩnh vực nông nghiệp trước đây từng đóng góp 2/3 giá trị xuất khẩu cũng không bị bỏ rơi, hiện đã được đa dạng hoá và gia tăng sản phẩm mặc dù tỷ trọng trong xuất khẩu đã giảm xuống chỉ còn 14%. Hiện nay Côxta Rica vẫn là nước có giá trị xuất khẩu nông nghiệp trên đầu người đứng hàng thứ 6 thế giới. Bài học then chốt là điều đó dựa trên sự mở cửa đối với thương mại và vốn, sử dụng trí óc và chính sách phù hợp làm những công cụ chủ chốt. Trên thực tế, một trong những câu hỏi đầu tiên về quá trình

cải cách và tăng trưởng như trong sự thành công của Côxta Rica là để các quốc gia tự hỏi *chính mình*: họ có thể làm tốt điều gì?

Như đã thấy từ kinh nghiệm quốc tế, sự thay đổi chính sách có thể cải thiện khả năng cạnh tranh quốc tế của các công ty. Sự chuyển đổi của El Salvador dựa trên việc kết thúc nội chiến, ổn định, tư nhân hóa, biến vị trí khu vực thành lợi thế thông qua việc đầu tư mạnh mẽ vào cơ sở hạ tầng. Grudia và Ấn Độ đều minh họa cho lợi ích từ việc bãi bỏ các quy định. Việt Nam cho thấy tầm quan trọng của sở hữu tư nhân và sự tham gia của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài là những biện pháp quan trọng nhằm tăng sản lượng và đầu tư. Côxta Rica cho thấy cách thức đa dạng hóa trong khi vẫn giữ được lĩnh vực hàng hóa mạnh mẽ. Tất cả đều minh họa khả năng để lĩnh vực tư nhân trở thành động lực cho việc giảm nghèo, và chính phủ cần hỗ trợ cho sự chuyển đổi này.

Tất nhiên, là trình tự cải cách sẽ khác nhau tùy theo lợi thế so sánh của quốc gia và các ưu thế tự nhiên. Đó là lý do tại sao không thể có một danh sách liệt kê để các chính phủ có thể sử dụng để quản lý cải cách.

CHẤP NHẬN SỰ KHÁC BIỆT

Tuy nhiên có thể thiết lập một số nguyên tắc chung cho tất cả các nhà cải cách, dù chúng cần phải được thích ứng với các hoàn cảnh địa phương. Một số thách thức của châu Phi mang tính toàn châu lục: tỷ lệ tăng trưởng tùy theo giá nguyên liệu, chi phí dịch vụ cao, thiếu hụt cơ sở hạ tầng, kỹ năng thấp, và sự bùng nổ nhân khẩu.

Châu Phi với sự khác biệt

Có lẽ một xu hướng quan trọng nhất ở châu Phi trong vòng 50 năm qua là việc gia tăng sự khác biệt giữa thành tựu kinh tế của các nước. Botxoana và Môrixơ đã cải thiện được đáng kể thu nhập bình quân đầu người nhờ có sự quản lý tốt. Những quốc gia này đã làm rất tốt cho người dân của mình, song đây là những quốc gia rất nhỏ nên ví dụ về họ có ảnh hưởng không đáng kể ở nơi khác.

Một vài quốc gia khác, bao gồm Ghana, Nammibia, Môdambích và Nam Phi, đã thể chế hóa những cải thiện quan trọng về quản lý ngay cả khi họ vẫn chưa giành được những lợi ích kinh tế lớn. Một số rất nhiều quốc gia châu Phi khác đã thực hiện các biện pháp cải cách kinh tế, nhưng chưa thể chế hóa chương trình quản lý một cách đầy đủ để thúc đẩy động lực phát triển kinh tế. Những quốc gia này đã tăng trưởng trong quá trình bùng nổ hàng hóa gần đây nhưng hiện đang phải đối mặt với một tình hình tăng trưởng kinh tế khiêm tốn khi giá xuất khẩu các nguyên liệu của họ đang giảm xuống.

Cũng có một số quốc gia châu Phi (như Cộng hòa Dân chủ Côngô, Libêria, Xiêra Lêôn và Dimbabuê) đã phải trải qua sự suy giảm đáng kể về các thể chế cơ bản khi người dân của họ khắp nơi phải chịu sự xung đột và sự yếu kém trong quản lý và thường là tình trạng gia tăng nghèo khổ, dù một số quốc gia (ví dụ như Libêria) đang bắt đầu thoát khỏi tình trạng đó một cách thành công. Cuối cùng, các nhà sản xuất dầu của châu Phi (bao gồm Angola, Ghinê Xích đạo và Nigiêria) có sự khác biệt đáng kể với các quốc gia khác vì dầu mỏ đem lại quá nhiều lợi nhuận cho các nhà lãnh đạo và thường không có bất kỳ một khuyến khích thật sự



nào cho việc thúc đẩy một hệ thống quản lý tốt và việc đa dạng hóa nền kinh tế, dù dầu mỏ sẽ không bao giờ có thể đủ để làm toàn bộ đất nước giàu có.

Sự khác biệt đó có thể góp phần chỉ dẫn trong quan hệ với châu Phi; việc không có một cách tiếp cận khác biệt cũng minh họa tại sao những lợi ích mà các quốc gia châu Phi thu được thường bị bỏ sót khi xem xét quan điểm từ bên ngoài đối với lục địa này.

Có thể nhận thấy là có nhiều loại quốc gia khác nhau, bao gồm các quốc gia đã đạt được sự tiến bộ đáng kể trong việc thực hiện cải cách kinh tế, các quốc gia với chương trình cải cách chưa hoàn chỉnh, và các nhà xuất khẩu dầu thu được nhiều tiền từ nguồn tài nguyên hydrocarbon đến nỗi chống lại sức ép cải cách.

Mỗi quốc gia phải đối mặt với những thách thức khác nhau nhằm giảm chi phí và trở nên cạnh tranh. Những quốc gia đã cải cách thì giờ phải cố gắng tranh thủ đầu tư nước ngoài. Những quốc gia chưa đạt được tiến bộ cải cách đáng kể nào ít ra cũng cần nỗ lực ưu tiên nhiều hơn cho lĩnh vực chính quy trong nền kinh tế nội địa. Các nhà sản xuất dầu và tài nguyên thiên nhiên khác cần siêng năng làm việc để đảm bảo rằng nguồn thu từ xuất khẩu chính của họ không áp đảo nền kinh tế và sẽ phải chịu chi phí rất cao nếu kinh doanh ở nơi khác.

CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ CHO TƯƠNG LAI

Mục tiêu chính sách về cạnh tranh

Cuộc tranh luận về phát triển không còn về sự cân bằng giữa nhà nước và thị trường, mà về sự cần thiết phải có nhiều thị trường hơn và các chính phủ hiệu quả hơn. Đó là về các công ty, cả trong nước và

nước ngoài, cạnh tranh từ châu Phi trên thị trường thế giới.

Phát triển thông qua cạnh tranh đòi hỏi:

- Một phân tích về cơ cấu chi phí của nền kinh tế và ưu tiên cam kết giải quyết các vấn đề đắt giá nhất.
- Xác định cạnh tranh quốc gia tại trung tâm tranh luận chính trị. Việc gia tăng cạnh tranh ở khu vực và quốc tế cần trở thành một mục tiêu chính trị chủ chốt, được cử tri biết đến và các đảng chính trị đấu tranh.
- Một quá trình liên tục phát hiện các lĩnh vực có thể cạnh tranh trong nền kinh tế trong bối cảnh nền kinh tế quốc tế thay đổi liên tục.

Điều cần làm của các chính phủ châu Phi

Các chính phủ châu Phi cần xác định những cơ hội tăng trưởng và khuyến khích tranh luận về phát triển trong nước. Những người công dân cần biết rằng họ đang cạnh tranh với phần còn lại của thế giới. Điều này đòi hỏi phải thay đổi sự chú ý của các nhà hoạch định chính sách phát triển từ tập trung vào viện trợ và các nhà tài trợ sang đầu tư và kinh doanh.

Các chuẩn mực cạnh tranh

Một phần trong việc tái cân nhắc sự phát triển của châu Phi cần liên quan tới việc bổ trợ cho các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ của LHQ với một bộ chuẩn mực cạnh tranh, một dạng 'Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ về cạnh tranh'. Bằng việc kết hợp các biện pháp đổi mới kinh tế và tăng cường hiệu quả hành chính, những mục tiêu như vậy sẽ giúp đặt ra các điều kiện để các quốc gia phát triển kinh doanh, qua đó tìm cách thoát khỏi nghèo đói. Nó sẽ đề cập các chỉ số mà những

người doanh nhân cho là trở ngại chính đối với hoạt động kinh doanh: chi phí vốn, diện năng, giao thông, viễn thông, thuế, lao động, và tham nhũng. Nó sẽ tiếp tục và tổng hợp các công trình hữu ích của Ngân hàng Thế giới và các tổ chức khác bao gồm Diễn đàn Kinh tế Thế giới trong việc chi tiết hóa những trở ngại đối với hoạt động kinh doanh ở châu Phi so sánh với nhau và với phần còn lại của thế giới.

Do đó các chính phủ châu Phi cần:

- Làm chủ cuộc tranh luận về phát triển trong nước mình.

- Dành thời gian cho chính phủ khuyến khích đầu tư, không đàm phán các gói viện trợ. Điều quan trọng là xây dựng cơ chế một cửa cho các nhà đầu tư chứ không phải các nhà tài trợ.

- Đảm bảo các chỉ số kinh tế vĩ mô hợp lý, bao gồm các chính sách tiền tệ và thương mại, tài chính đúng đắn.

- Đơn giản hóa quy tắc hoạt động cho doanh nghiệp.

- Đảm bảo khả năng dự báo về những thay đổi trong quy định và chính sách thuế.

- Xây dựng thị trường tín dụng lành mạnh có thể phục vụ các khách hàng vừa và nhỏ, cả các công ty và các cá nhân

- Đảm bảo một tỷ giá hối đoái cạnh tranh.

Đảm bảo một tỷ giá hối đoái cạnh tranh

Ngay cả khi một quốc gia đã có được tính cạnh tranh nội địa, giá buôn bán các hàng hóa của nó trên thị trường quốc tế được quyết định bởi tỷ giá hối đoái. Một tỷ giá quá cao có thể hoàn toàn triệt tiêu các lợi ích cạnh tranh nội địa và tiếp tục ngăn cản sự thành công trong xuất khẩu. Hầu

hết các quốc gia đang phát triển tăng trưởng nhanh chóng đều bắt đầu thời kỳ kinh tế thành công với tỷ giá hối đoái cạnh tranh và tốc độ tăng trưởng xuất khẩu nhanh chóng. Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Chile và Malaixia đều bắt đầu thời kỳ tăng trưởng nhanh chóng với tỷ giá hối đoái thấp. Cũng như vậy, sự thành công phi thường của Trung Quốc về kinh tế được hỗ trợ bởi đồng tiền có tỷ giá thấp ban đầu, sự tăng trưởng xuất khẩu nhanh chóng và việc mạnh mẽ chống lại sự suy giảm tính cạnh tranh toàn cầu của nó do đồng tiền tăng giá. Ngược lại, thành tích kinh tế nghèo nàn thường bị đổ lỗi do tỷ giá hối đoái quá cao ở các nước được hưởng lợi từ giá hàng hóa cao tạm thời (cái gọi là 'căn bệnh Hà Lan' dưới đây), hoặc từ các dòng vốn ngắn hạn chảy vào do lãi suất trong nước cao, hoặc nguồn tài trợ đáng kể.

Việc duy trì một tỷ giá hối đoái cạnh tranh đòi hỏi có phản ứng chính sách thận trọng vì khi một quốc gia xuất khẩu càng thành công thì đồng tiền của quốc gia đó càng mạnh. Các chính sách ngăn không cho đồng tiền tăng giá bao gồm việc Ngân hàng Trung ương mua dự trữ ngoại tệ, tạm thời giữ các khoản thu tiền mặt ở nước ngoài trong các quỹ thuộc chủ quyền để sử dụng về sau, các chính sách ngăn cản dòng vốn ngắn hạn chảy vào, mở cửa thị trường nội địa nhằm khuyến khích nhập khẩu và đầu tư nước ngoài.

Ngoài ra, các chính phủ châu Phi cần tập trung:

- Xác định các lĩnh vực có lợi thế so sánh lớn nhất, bao gồm du lịch và các dịch vụ khác, khai thác và hưởng lợi từ tài nguyên thiên nhiên và nông nghiệp.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng để tăng năng suất.

- Chuyên nghiệp hóa (và phi chính trị hóa) bộ máy hành chính.

- Chuẩn hóa khả năng cạnh tranh quốc gia, so với phần còn lại của thế giới.

- Chống lại các tập đoàn độc quyền, đặc biệt là các tập đoàn có mối liên hệ chính trị, luôn luôn đặt lợi ích người tiêu dùng trên lợi ích người sản xuất; điều này khiến các nhà sản xuất trở nên cạnh tranh hơn.

- Giảm chi phí hợp pháp hóa và hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chính quy, đồng thời tăng chi phí cho việc tiếp tục các giao dịch kinh doanh phi chính quy.

- Xây dựng các mối liên hệ với cộng đồng người Phi ở nước ngoài thay vì tập trung vào tình trạng rò rỉ chất xám. Những cá nhân năng động cần được tiếp cận một cách tích cực, nhằm cải thiện tính cạnh tranh của các quốc gia châu Phi thông qua công nghệ, các dòng chảy tài chính và kỹ năng, ủng hộ 'châu Phi' từ quốc gia mà họ định cư. Ví dụ, tính riêng ở Mỹ có ít nhất 1,3 triệu người châu Phi nhập cư. Trong khi họ chỉ chiếm 3,6% cư dân Mỹ sinh ra ở nước ngoài, nhưng số này chiếm 17,7% lượng nhập cư hợp pháp từ năm 2000.

- Khuyến khích thu thuế và doanh thu chủ yếu bằng việc gia tăng lợi ích từ sự cải thiện cơ sở hạ tầng và các dịch vụ nhà nước.

- Phát triển 'nền nông nghiệp mới', song cần hiểu rõ về hình thức hỗ trợ và đầu tư cần thiết để thành công.

Trọng tâm "Nông nghiệp mới" của châu Phi

Bất chấp những lợi thế tự nhiên, các quốc gia châu Phi thường có lĩnh vực nông nghiệp hoạt động kém nhất trên thế giới. Do đó, trong số 48 nền kinh tế vùng cận

Xahara châu Phi, 35 quốc gia phải nhập khẩu thực phẩm. Trong khi đó, ví dụ các quốc gia Đông Á đã có sản lượng nông nghiệp tăng gấp ba trong 4 thập kỷ qua. Châu Phi đã bị tụt hậu với sản lượng và không có nhiều thay đổi.

Năng suất thấp cùng cơ sở hạ tầng yếu kém và thị trường nội địa yếu tạo thành mối đe dọa đối với sự phát triển của châu Phi và khiến việc chuyển sản lượng dư thừa tới thành phố khó khăn hơn. Kèm theo giá thực phẩm cao, điều này có thể tạo tác động nguy hại như một chất xúc tác gia tăng căng thẳng chính trị đặc biệt là trong môi trường đô thị. Nhưng hiện nay đã biết nhiều đến cách thức tạo ra các tiền đề cho một cuộc 'cách mạng Xanh'. Như Quỹ Rockefeller đã tổng kết, nó đòi hỏi những yếu tố sau:

- Vụ mùa và phân bón hiệu quả hơn nhờ nghiên cứu ứng dụng;

- Nhân tài địa phương trong khoa học thực vật, nghề nông trại, chính sách nông nghiệp và kinh doanh;

- Cam kết của các chính phủ quốc gia;

- Sự hợp tác giữa nhà nước và tư nhân về cơ sở hạ tầng, nguồn nước, thủy lợi và môi trường;

- Xây dựng thị trường.

Mối quan hệ trực tiếp giữa hoạt động nông nghiệp và thương mại cần được nhấn mạnh. Đối với gần một nửa số các quốc gia vùng cận Xa-ha-ra, chi trả cho vận chuyển chiếm trên 20% nguồn thu ngoại tệ từ xuất khẩu. Đối với một số quốc gia ở giữa đất liền, chi phí này chiếm trên 50%. Đặc biệt quan trọng là tác động tiêu cực từ cơ sở hạ tầng giao thông nghèo nàn cho phát triển nông thôn, khiến người nông dân châu Phi khó có thể tập trung vào các vụ



mùa có giá trị cao cho xuất khẩu. Đây không chỉ là những *chi phí vận chuyển* do cơ sở hạ tầng yếu kém, mà là *chi phí thương mại* do bộ máy hải quan và các thủ tục thông quan kém hiệu quả, bản thân điều này lại là sản phẩm của bộ máy quan liêu độc đoán, kém hiệu quả, suy nghĩ phi cạnh tranh và môi trường chính sách.

Việc tăng giá thực phẩm mà phần nào khó có thể đảo ngược đem lại cho châu Phi một sự kết hợp nghịch lý giữa khủng hoảng chính trị và, nếu nền nông nghiệp được hồi sinh, cơ hội kinh tế cho 180 triệu nông dân. Sẽ là một thảm kịch nếu phải đối mặt với thảm họa mà cơ hội lại bị bỏ lỡ.

Vai trò của khu vực tư nhân và các thành phần phi chính phủ

Năng lực cạnh tranh quốc gia phụ thuộc vào chính sách và hành động của chính phủ. Tuy nhiên, các tổ chức phi chính phủ, các quỹ và các nhà từ thiện có thể giúp đỡ.

Xã hội dân sự có thể tạo ra động lực thay đổi và kiểm soát quyền hành pháp. Nhưng các tổ chức xã hội dân sự cũng cần phải:

- Hợp lý hóa và chấp nhận quy tắc hành xử đối với doanh nghiệp và các thành phần khác như các tổ chức phi chính phủ, trong khi ghi nhận nhu cầu quốc gia nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua việc giảm chi phí kinh doanh.

- Đóng vai trò lớn hơn trong giáo dục về kinh tế và hỗ trợ doanh nhân xây dựng kế hoạch kinh doanh cho mình.

- Tập huấn cho các nhà lập pháp và cán bộ quốc hội về những khía cạnh pháp luật và quản lý trong một môi trường kinh doanh cạnh tranh.

- Cho thấy người tiêu dùng, người lao động và môi trường có thể được bảo vệ mà không cần áp đặt các chi phí quá cao cho hoạt động kinh doanh.

- Tập trung sự chú ý về chính sách đối với sự phân chia giữa đô thị và nông thôn.

Cách thức quản lý viện trợ tốt hơn

Do phát triển là một quá trình chính trị, sự thành công của nó phụ thuộc vào sở hữu địa phương; các nhà hoạch định chính sách châu Phi cần đặt ra các ưu tiên chứ không phải các nhà tài trợ. Các ưu tiên cần được xác định tùy theo hoàn cảnh của mỗi quốc gia. Để tìm ra sự cân bằng giữa điều chính phủ cần và điều nhà tài trợ muốn trao, các nhà tài trợ cần:

- Hỗ trợ tăng trưởng quốc gia và các chương trình nghị sự giảm chi phí, tránh mong muốn xây dựng các chương trình từ bên ngoài hay tìm kiếm các giải pháp chính sách 'hoàn hảo'.

- Cùng các thể chế tài chính quốc tế, chú ý không hạn chế các khoản chi tiêu chính phủ cần thiết cho phát triển kinh tế.

- Hợp tác với lĩnh vực tư nhân trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng.

- Nhận biết và tránh các tác động phụ tiêu cực của viện trợ, bao gồm 'căn bệnh Hà Lan' và sự lạm phát tỷ giá hối đoái bên cạnh việc giành các nguồn tài nguyên cho nhà tài trợ chứ không phải cho mỗi quan tâm và nhu cầu kinh doanh.

Tránh "Căn bệnh Hà Lan"

Thuật ngữ "căn bệnh Hà Lan" có nguồn gốc từ một cuộc khủng hoảng ở Hà Lan trong những năm 1960, bắt nguồn từ việc phát hiện các mỏ khí ở Biển Bắc, khiến đồng tiền Hà Lan lên giá, xuất khẩu tất cả các sản phẩm phi dầu lửa trở nên kém cạnh tranh hơn trên thị trường toàn cầu.

Hoàn cảnh tương tự cũng xảy ra tại Anh trong những năm 1970 do dầu ở Biển Bắc. Trong khi căn bệnh Hà Lan chủ yếu liên quan tới tác động của tài nguyên thiên nhiên và đặc biệt đáng quan tâm với các quốc gia châu Phi giàu tài nguyên, nó cũng có thể bắt nguồn từ việc tăng mạnh lượng ngoại tệ, bao gồm đầu tư trực tiếp nước ngoài và nguồn tài trợ. Sự gia tăng nhập khẩu và giảm xuất khẩu do tỷ giá hối đoái thực gia tăng sau đó có thể góp phần khiến cho việc sản xuất được chuyển tới các quốc gia có chi phí thấp hơn.

Có ba cách thức cơ bản để giảm mối đe dọa từ căn bệnh Hà Lan:

Thứ nhất, giảm tốc độ tăng tỷ giá hối đoái thực bằng cách 'giảm' thu nhập, không đem toàn bộ thu nhập về nước ngay lập tức, tiết kiệm và phân tán thu nhập nhằm đảm bảo nguồn thu ổn định. Chiến lược thứ hai nhằm tránh làm tăng tỷ giá hối đoái thực là tăng tiết kiệm nội địa trong nền kinh tế nhằm giảm các dòng vốn lớn chảy vào. Điều này có thể thực hiện nếu quốc gia có thặng dư ngân sách. Một quốc gia có thể khuyến khích các cá nhân và doanh nghiệp tiết kiệm nhiều hơn bằng cách giảm thuế thu nhập và thuế doanh thu. Gia tăng tiết kiệm có thể làm giảm nhu cầu vay vốn cho các khoản thâm hụt chính phủ và đầu tư trực tiếp nước ngoài. Cách thứ ba là gia tăng tính cạnh tranh của khu vực chế tạo bằng cách tăng đầu tư vào giáo dục và cơ sở hạ tầng.

Nhìn chung, để tránh căn bệnh Hà Lan thì quan trọng là quản lý. Có thể tránh việc mưu cầu lợi nhuận và định giá đồng tiền quá cao bằng cách đảm bảo những nguyên tắc kinh tế hợp lý: chính sách tiền tệ đúng đắn, cơ chế đầu tư và thương mại ngỏ, luật chống tham nhũng minh bạch,

nguyên tắc luật pháp, đầu tư dài hạn về người, y tế và cơ sở hạ tầng.

HƯỚNG TỚI MỘT CHÂU PHI CẠNH TRANH

Châu Phi có thể tạo dựng con đường tới sự thành công kinh tế bằng cách xây dựng 'các liên minh vì sự tăng trưởng' trên khắp lục địa. Đây là một thách thức chưa có tiền lệ: Châu Phi cần xóa bỏ các rào cản đối với cải cách và đầu tư công trong một thời gian ngắn, so sánh với lịch sử tăng trưởng kinh tế ở châu Âu hay thậm chí châu Á. Hơn nữa, châu Phi phải làm điều này trong thời điểm nền kinh tế toàn cầu biến động.

Xây dựng các liên minh vì sự tăng trưởng ở châu Phi

Tăng trưởng ở châu Phi thường là một hàm số của giá cả hàng hóa toàn cầu. Vấn đề còn dài để điều đó trở thành một lực lượng tự trị dựa trên sự phát triển và ứng dụng vốn con người vào sản xuất cho thị trường thế giới, động lực cho tăng trưởng dài hạn ở nơi khác.

Điều đó cần thay đổi. Mỗi quốc gia là một sân khấu chật hẹp của các diễn viên trong nước, tổ chức viện trợ song phương, đa phương, các tổ chức phi chính phủ, nhà tư vấn, quỹ phát triển và chính phủ nước ngoài. Sự lộn xộn đó có thể áp đảo và làm mất phương hướng, và thường trở thành sự bảo trợ quyền lực chính trị thay vì nguồn kinh phí và tư vấn phát triển như dự kiến. Thay vì tập trung vào tăng trưởng, các thể chế này thường làm trệch hướng chú ý của các nhà lãnh đạo chính trị khỏi các vấn đề thực sự.

Thế giới hiện đang trong thập kỷ thứ 5 của sự hỗ trợ phát triển quốc tế cho châu Phi và đang hình thành các khuôn mẫu. Những khuôn mẫu đó là kết quả của các

xu hướng tương tự trong suy nghĩ và hành động của các tổ chức tài trợ quốc tế lớn. Nói chung, lịch sử hỗ trợ phát triển có thể được tổng kết như một sự tập trung liên tục từ cung cấp *tài nguyên* (giữa những năm 1960 tới giữa những năm 1980), cung cấp *chính sách* (giữa những năm 1980 tới khoảng năm 2000), và xây dựng *năng lực* triển khai các chính sách đó (từ năm 1995 tới 2005). Trong vài năm gần đây, sự tập trung đã quay trở lại *tài nguyên* và phổ biến là các chỉ tiêu định lượng đặt ra tại các diễn đàn quốc tế, chuyển thành sự hỗ trợ ngân sách quy mô lớn trong khu vực

Chu trình này sẽ có thể tiếp tục và kết quả sẽ gây thất vọng. Đó không phải do lập luận kinh tế sai lầm của các nhà tài trợ lớn: tài nguyên, chính sách và năng lực triển khai thật sự là những yếu tố để từ đó đạt được tăng trưởng. Nhưng nếu các nhà lãnh đạo của một quốc gia có những ưu tiên khác, những đầu vào này sẽ vẫn không đem lại kết quả.

Đó là khía cạnh còn thiếu: các ưu tiên của nhóm lãnh đạo. Với tăng trưởng là một ưu tiên, tài nguyên có thể được huy động, chính sách được viết ra và các giải pháp mới đặt ra để hỗ trợ triển khai. Khi các ưu tiên khác chi phối, tăng trưởng bị cản trở theo cách thức mà người ngoài có thể khó hiểu. Tất cả điều đó dẫn tới vấn đề ưu tiên cho tăng trưởng và điều này lại chỉ ra rằng một liên minh cần thiết để quản lý được hình thành bởi những điều khác chứ không phải bởi tăng trưởng. Những động lực chính trị luôn được trộn lẫn, nhưng chỉ khi nào một quốc gia có một liên minh

trong nước đủ mạnh cho sự tăng trưởng thì chính sách định hướng tăng trưởng mới có thể được quyết tâm và mạnh mẽ theo đuổi.

Cũng không ngạc nhiên khi các tổ chức đa phương và song phương không thành công trong việc xây dựng nên những liên minh vì sự tăng trưởng. Các tổ chức này về cơ bản là kỹ trị, bị hạn chế bởi chủ quyền. Dù sao thì xây dựng liên minh vẫn là một hoạt động chính trị cơ bản.

Cách duy nhất để đạt được sự thịnh vượng và ổn định cho châu Phi là khi tất cả các doanh nhân của lục địa không bị chính phủ ràng buộc và bắt đầu nhận biết về thứ mà họ có thể bán cho thế giới tốt hơn các quốc gia khác. Thành công sẽ đòi hỏi chính phủ hành động: đầu tư lớn vào vốn con người và vật chất bên cạnh chính sách đặc biệt nhằm giảm các chi phí và hạn chế trong hoạt động kinh doanh.

Các nhà tài trợ cần kiểm chế việc hối thúc trả lời những câu hỏi quan trọng thay cho châu Phi. Điều quan trọng nhất là điều mà châu Phi có thể làm cho chính mình, ngay cả khi điều đó ít hơn những gì có thể làm được. Các chính phủ châu Phi phải hành động cùng các doanh nghiệp, nhà lập pháp và xã hội dân sự thì mới có thể hình thành được liên minh chính trị cần thiết cho con đường phát triển khó khăn phía trước.

Tại nhiều quốc gia châu Phi, đối thoại về cải cách và thịnh vượng vẫn chưa được bắt đầu. Đồng thuận Hồ Kivu là một nấc trong chiếc thang đó.

Nguồn: "Strengthening Africa's Economic Performance"; www.thebrenthurstfoundation.org

Tài liệu thảo luận do Quỹ Brenthurst Nam Phi cung cấp, tháng 2/2009.